

Số: 13 /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức chi cho hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018;

Xét Tờ trình số 5744/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi cho hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức chi cho hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 5 của Nghị Quyết này và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương phê duyệt đối với khuyến công tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là cấp xã) phê duyệt đối với khuyến công cấp xã.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt (sau khi trừ đi kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

Điều 4. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

1. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí thực hiện cho các hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

3. Nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu hoạt động khuyến công.

Điều 5. Mức chi cho hoạt động khuyến công

1. Biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, tập huấn về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn: Mức chi áp dụng theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, kết hợp lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn nhằm tạo việc làm và

nâng cao tay nghề cho người lao động; đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn: Mức chi áp dụng theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo cụ thể đối với từng đối tượng tham gia chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các quy định hiện hành.

3. Hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn, chuyên đề tổng kết, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp: Mức chi áp dụng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4. Hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm ngoài nước: Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí. Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài được hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay, số người được hỗ trợ không quá 01 người/doanh nghiệp.

5. Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại Việt Nam: Mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị Quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

6. Xây dựng các chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền giao: Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công: Mức chi áp dụng theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

8. Tổ chức các khóa đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp: Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

9. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn phát triển Công Thương: Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Xây dựng chương trình, đề án khuyến công giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm: Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

12. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới có tổng nguồn vốn đầu tư như sau:

a) Tổng vốn đầu tư từ 2.000 triệu đồng đến dưới 4.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 350 triệu đồng/mô hình;

b) Tổng vốn đầu tư từ 4.000 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 450 triệu đồng/mô hình;

c) Tổng vốn đầu tư từ 6.000 triệu đồng đến dưới 8.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 550 triệu đồng/mô hình;

d) Tổng vốn đầu tư từ 8.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 650 triệu đồng/mô hình;

đ) Tổng vốn đầu tư từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 750 triệu đồng/mô hình;

e) Tổng vốn đầu tư từ 12.000 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng: Mức hỗ trợ 850 triệu đồng/mô hình;

g) Tổng vốn đầu tư từ 15.000 triệu đồng trở lên: Mức hỗ trợ 900 triệu đồng/mô hình.

13. Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

14. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

a) Giá trị mua máy móc thiết bị đầu tư từ 100 triệu đồng đến 600 triệu đồng: Mức hỗ trợ 45% chi phí, nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở;

b) Giá trị mua máy móc thiết bị đầu tư trên 600 triệu đồng: Mức hỗ trợ là 300 triệu đồng/cơ sở.

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

15. Hỗ trợ cho các tổ chức tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công tham gia hội chợ triển lãm trong nước. Hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 120 triệu đồng/hội chợ bao gồm: Thuê gian hàng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, trang trí, bảng hiệu, tờ rơi, quảng cáo, vận chuyển trưng bày sản phẩm và các chi phí cho cán bộ tham gia hội chợ.

Trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn trực tiếp tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ là 80% chi phí thuê gian hàng.

16. Hỗ trợ cho các tổ chức tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công tham gia hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Nghệ An tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% chi phí, bao gồm: Thuê gian hàng, mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực gian hàng của tỉnh Nghệ An (nếu có); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn trực tiếp tham gia hội chợ, triển lãm khác ở nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế và dàn dựng gian hàng. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 120 triệu đồng/đơn vị tham gia.

17. Tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và cấp xã:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và cấp xã. Mức hỗ trợ là 120 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và 30 triệu đồng/lần đối với cấp xã;

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Đạt giải cấp tỉnh được thưởng là 05 triệu đồng/sản phẩm, đạt giải cấp xã được thưởng là 02 triệu đồng/sản phẩm.

18. Hỗ trợ xây dựng, thiết kế, đăng ký và in ấn nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

19. Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân

lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

20. Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn: Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

21. Thù lao cho cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

22. Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp cơ sở:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày;

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

23. Quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

24. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho chương trình đề án nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Nghị định 45/2012/NĐ-CP do Bộ Công Thương phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

25. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến công không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.
2. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 1, Điều 6, Chương III của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./ng

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu



